

Bản án số: 715/2022/HC-PT

Ngày 31/8/2022

V/v “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khương

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười và ông Dương Tuấn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 221/2022/TLPT-HC ngày 28 tháng 4 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2021/HC-ST ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1424/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1971 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 10, khu phố 6, phường P1, thành phố Q, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Mỹ NUQ1, sinh năm 1990 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 1, ấp A1, xã X1, thành phố Q, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Trần Văn NBV1, sinh năm 1982 (Có mặt);

Địa chỉ: phường P2, thành phố TP1, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Quang H – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Chiến NUQ2 – Phó Chủ tịch Ủy

ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Kiên Giang (Có mặt);

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Chiến NUQ2 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Kiên Giang (Có mặt);

Cùng địa chỉ: phường P3, thành phố Q, tỉnh Kiên Giang.

3. *Người kháng cáo:* Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện ông Hoàng Văn B và người đại diện bà Huỳnh Thị Mỹ NUQ1 trình bày:

Năm 1993 ông Hoàng Văn B khai khẩn được diện tích đất 1.288,1 m² tại ấp 6 (nay khu phố 6), phường P1, thành phố Q, tỉnh Kiên Giang sử dụng trồng cây lâu năm như đào, bạch đàn, trầm bông vàng.

Ngày 27/6/2004 UBND huyện Q ra quyết định số 3442/QĐ- UBND thu hồi diện tích đất 1.288,1 m² của ông B để thực hiện dự án khu du lịch phức hợp sinh thái Bãi Khem do Công ty trách nhiệm hữu hạn Mặt Trời Q làm chủ đầu tư. Sau khi ra quyết định thu hồi đất UBND huyện Q không ra quyết định bồi thường hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất cho ông B.

Ông B làm đơn khiếu nại, ngày 05/10/2020 Chủ tịch UBND huyện Q ra quyết định số 5013/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông B. Nội dung không thừa nhận nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 1.288,1 m², yêu cầu bồi thường hoa màu và vật kiến trúc của ông B, giao cho ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện phối hợp với các cơ quan chuyên môn lập phương án hỗ trợ 40% giá trị đất rừng sản xuất đối với diện tích 1.288,1 m², hỗ trợ 100% giá trị hoa màu và vật kiến trúc cho ông Hoàng Văn B theo qui định.

Ông B không đồng ý với nội dung quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Q nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy quyết định số 5013/QĐ – UBND ngày 05/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Văn B và không yêu cầu giải quyết khiếu nại lại.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Q ra quyết định bồi thường hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất của ông B theo đúng qui định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, Ủy ban nhân dân thành phố Q có cung cấp cho Tòa án quyết định 2210/QĐ-UBND ngày 06/03/2017 của UBND huyện Q về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất cho ông B với số tiền 121.623.800 đồng và Quyết định số 4829/QĐ- UBND ngày 05/11/2018 của UBND huyện Q hỗ trợ ổn định đời sống cho ông B số tiền là 42.300.000 đồng.

Ông B đã nhận tiền theo Quyết định số 4829/QĐ-UBND, tiền bồi thường theo Quyết định số 2210/QĐ-UBND ông B không nhận, đồng thời yêu cầu Tòa án hủy quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 06/3/2017.

Tại văn bản ngày 23/6/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Q trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 1.288,1 m² ông B đang khiếu nại tại khu phố 6, phường P1, thành phố Q, tỉnh Kiên Giang trước năm 1996 là rừng tự nhiên chưa sử dụng. Từ tháng 11/1996 diện tích đất này nằm trong diện tích đất 884,3173 ha được Thủ tướng chính phủ phê duyệt đất Quốc phòng và được giao cho Vùng 5 Hải Quân quản lý. Ngày 10/6/1998 UBND tỉnh Kiên Giang ra quyết định số 2163/QĐ- UBND giao đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 33.307.82 ha cho Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng Q trong đó có diện tích 1.288,1 m². Năm 2001 ông Hoàng Văn B vào chiếm diện tích 1.288,1 m² sử dụng trồng trà bông vàng.

Năm 2008, qua Thanh tra tình hình quản lý sử dụng đất đai Vùng 5 Hải Quân trên địa bàn thị trấn P1, huyện Q. Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang ban hành kết luận số 15/KL- UBND ngày 22/12/2008 và ra quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 11/02/2009 xử lý giao cho UBND huyện Q ra quyết định thu hồi đất và không xem xét bồi thường đối với 35 hộ dân lấn chiếm sử dụng đất hoặc lấn chiếm chuyển nhượng đất cho hộ khác từ sau ngày 01/7/2004, trong đó có trường hợp ông Hoàng Văn B chiếm diện tích 1.397,3 m² (theo đo đạc thực tế diện tích 1.288,1 m²). Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện Q không ra quyết định thu hồi đối với 35 hộ dân nêu trên theo chỉ đạo của UBND tỉnh Kiên Giang và gia đình ông B vẫn quản lý sử dụng đất đến năm 2011 thì làm nhà trên đất ở cho đến khi có quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án.

Ngày 27/6/2014 UBND huyện Q ra quyết định số 3442/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 1.288,1 m² đối với ông Hoàng Văn B nhưng không xem xét bồi thường hỗ trợ nên ông B làm đơn khiếu nại.

Ngày 08/01/2020 Chủ tịch UBND huyện Q ra quyết định số 5013/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Văn B. Nội dung: Không thừa nhận nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 1.288,1 m², yêu cầu bồi thường hoa màu, vật kiến trúc trên đất của ông Hoàng Văn B.

Việc ông Hoàng Văn B vào chiếm đất rừng phòng hộ quản lý vào năm 2001 là vi phạm pháp luật đất đai nên không đủ điều kiện bồi thường theo qui định tại khoản 1 Điều 43 Luật đất đai năm 2003 và khoản 3 Điều 18 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi và khoản 1 Điều 3 Bảng qui định đơn giá bồi thường về cây trồng, hoa màu trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Tuy nhiên, trường hợp của ông B đủ điều kiện hỗ trợ 40% giá đất rừng sản xuất đối với diện tích 1.288,1 m², hỗ trợ 100% giá trị hoa màu và vật kiến trúc cho ông B theo qui định. Vì ông B đã có quá trình quản lý sử dụng diện tích

1.288,1 m² đất trồng tràm bông vàng từ năm 2001, đến năm 2011 cất nhà tạm sử dụng cho đến khi nhà nước thu hồi đất.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 43/2021/HC-ST ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn B.

- Hủy quyết định số 5013/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện Q (nay thành phố Q) về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Văn B. Chủ tịch UBND thành phố Q không phải giải quyết khiếu nại lại.

- Hủy quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của UBND huyện Q về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với ông Hoàng Văn B.

- Buộc UBND thành phố Q ban hành Quyết định bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho ông Hoàng Văn B theo qui định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/11/2021, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Kiên Giang có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên Quyết định số 5013/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q (nay là thành phố Q) về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Văn B.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, cho rằng: Năm 1996 nhà nước quy hoạch đất quốc phòng thì diện tích đất bị thu hồi của ông B đã quản lý, sử dụng đất từ năm 1993, nhưng không bị cơ quan nhà nước xử phạt hành chính. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện rõ diện tích đất 1.288,1m² của ông B bị thu hồi có nguồn gốc trước năm 1996 là rừng tự nhiên, đến tháng 11/1996 là đất quốc phòng, đến tháng 6/1998 là đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng Q. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B.

Trên cơ sở xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến tranh luận của các bên, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố Q, Hội đồng xét xử xét thấy:

** Về tố tụng:*

[1] Ngày 15 tháng 11 năm 2021 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang tuyên bản án sơ thẩm, ngày 19/11/2021 người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố Q kháng cáo là trong hạn luật định.

** Về nội dung:*

[2] Xét tính hợp pháp của Quyết định số: 5013/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện Q (nay thành phố Q) về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Văn B; Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của UBND huyện Q về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với ông Hoàng Văn B và hành vi không giải quyết bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho ông Hoàng Văn B: Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành của 02 quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên và hành vi không giải quyết bồi thường diện tích 1.288,1m² thu hồi của ông Hoàng Văn B của Chủ tịch UBND thành phố Q là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 18, Điều 27, 29, 30, 31 Luật khiếu nại 2011.

[3] Xét, nội dung của các quyết định hành chính bị kiện: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện rõ diện tích đất 1.288,1m² của ông Hoàng Văn B khiếu kiện có nguồn gốc trước năm 1996 là rừng tự nhiên. Đến ngày 20/11/1996 Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định số 872/QĐ-TTg về việc phê duyệt quy hoạch đất quốc phòng với diện tích 884,3173ha trong đó có diện tích 1.288,1m² đất nêu trên của ông B. Ngày 10/6/1998 UBND tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số: 2163/QĐ-UBND giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng Q trong đó cũng có diện tích 1.288,1m² đất nêu trên của ông B. Ngày 27/6/2014 UBND huyện Q ban hành quyết định số 3442/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 1.288,1m² của ông B không xem xét bồi thường, đất, hoa màu, vật kiến trúc trên đất cho ông B.

[4] Để có căn cứ xác định diện tích 1.288,1m² đất nêu trên của ông B có phải đất rừng phòng hộ hay rừng sản xuất. Ngày 12/8/2022 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định Ủy thác số 989/2022/QĐ-UTTA, ủy thác cho Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Kiên Giang thẩm định, đo đạc lại. Kết quả: Theo Tờ trích đo địa chính thửa đất ngày 25/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Q, kèm theo Sơ đồ vị trí đất thể hiện diện tích đất 1.288,1m² của ông Hoàng Văn B trước khi bị thu hồi nằm trong tổng diện tích rừng phòng hộ do UBND tỉnh Kiên Giang giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng Q quản lý (Theo Quyết định số: 2163/QĐ-UBND giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng Q).

[5] Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 43 của Luật đất đai năm 2003 quy định: “1. Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất trong các trường hợp sau đây: a) Thu hồi đất trong các trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều 38 của Luật này; b) Đất rừng phòng hộ; đất rừng

đặc dụng... ”. Căn cứ vào quy định nêu trên, UBND huyện Q thu hồi diện tích 1.288,1m² của ông Hoàng Văn B có nguồn gốc lấn chiếm đất rừng phòng hộ, chỉ hỗ trợ 40% giá trị đất rừng sản xuất và hỗ trợ 100% giá trị hoa màu và vật kiến trúc trên đất cho ông B mà không bồi thường giá trị đất là đảm bảo quyền lợi cho ông B, phù hợp với pháp luật.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm xác định, diện tích 1.288,1m² của ông Hoàng Văn B “Thuộc nhóm đất nông nghiệp” áp dụng điểm c khoản 1 Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của chính phủ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn B tuyên hủy quyết định số 5013/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện Q và quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của UBND huyện Phú; Buộc UBND thành phố Q ban hành Quyết định bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho ông Hoàng Văn B là không phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 43 của Luật đất đai năm 2003 đã viện dẫn trên. Do đó cần chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Kiên Giang, sửa bản án sơ thẩm.

[7] Án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Hoàng Văn B phải chịu.

[8] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q không phải chịu.

[9] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[10] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B là có căn cứ chấp nhận.

[11] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a khoản 2 Điều 193; Khoản 2 Điều 241; Điều 348; Điều 349; Điều 241 và Điều 242 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

1. Chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Kiên Giang.

2. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số: 43/2021/HC-ST ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

3. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 43 của Luật đất đai năm 2003; Điều 18, Điều 27, 29, 30, 31 Luật khiếu nại 2011; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn B về yêu cầu hủy các quyết định hành chính sau: Quyết định số 5013/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện Q (nay thành phố Q) về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Văn B; Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của UBND huyện Q về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với ông Hoàng Văn B.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn B về việc buộc UBND thành phố Q thực hiện hành vi hành chính: Ban hành quyết định bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho ông Hoàng Văn B theo qui định của pháp luật.

4. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Hoàng Văn B phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000863 ngày 31/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q không phải chịu. Hoàn trả lại cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0006843 ngày 20/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP, (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khương